

Số: 26/BC-THPTTC

Đắk Wer, ngày 31 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT Năm học 2021 – 2022

Căn cứ Công văn số 1407/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 14/9/2021 của Sở GD&ĐT Đắk Nông v/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTrH năm học 2021-2022;

Thực hiện Công văn số 684/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 09/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tổng kết năm học 2021 - 2022,

Trường THPT Trường Chinh báo cáo tổng kết năm học 2021-2022 như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021-2022

I. Việc phát triển mạng lưới trường, lớp; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia.

1. Phát triển quy mô trường, lớp, học sinh, giáo viên.

1.1. Phát triển quy mô trường, lớp, học sinh:

Tổng số học sinh đầu năm học 2021-2022 là: 1028 học sinh, trong đó khối 10: 381 học sinh; khối 11 học sinh: 344 học sinh; khối 12: 303 học sinh. Biên chế thành 23 lớp (Khối 10: 8 lớp; khối 11: 8 lớp; khối 12: 7 lớp). Tăng thêm 1 lớp so với năm học trước.

Tổng số học sinh đến cuối năm học 2021-2022 là: 1015 học sinh, trong đó: khối 10: 373 học sinh; khối 11 học sinh: 342 học sinh; khối 12: 300 học sinh.

Số học sinh giảm so với đầu năm học: 13 học sinh. Trong đó khối 10: 8 học sinh; khối 11: 01 học sinh; khối 12: 03 học sinh.

1.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

Tổng số 57, trong đó:

- CBQL: 02 người

- Giáo viên: Tổng số 49 GV

- Nhân viên: 5 người, chia ra: Kế toán: 1, Văn thư -Thủ quỹ: 1, CBTB: 1, CBTV: 1, CBYT: 1

- Bảo vệ: 1

- So với đầu năm: 01 CBQL, 03 giáo viên chuyển công tác, tuyển mới 01 GV

So với năm học 2020-2021, nhà trường giảm 02 CBQL, 02 giáo viên

2. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

2.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2020-2021

Nhà trường đã được công nhận đạt Chuẩn quốc gia trong năm học 2017-2018. Hàng năm nhà trường vẫn thực hiện nghiêm túc các tiêu chí nhằm duy trì trường chuẩn quốc gia

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: không

II. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục trung học

1. Kết quả đánh giá hạnh kiểm học sinh trung học (so sánh tỉ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt năm học 2020-2021.

Kết quả về xếp loại Hạnh kiểm năm học 2021-2022:

Khối	Số	Xếp loại hạnh kiểm							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
Khối 10	373	303	81.23%	61	16.35%	8	2.14%	1	0.27%
Khối 11	342	273	79.82%	58	16.96%	10	2.92%	1	0.29%
Khối 12	300	298	99.33%	1	0.33%	1	0.33%	0	0.00%
TỔNG	1015	874	86.11%	120	11.82%	19	1.87%	2	0.20%

Kết quả về xếp loại Hạnh kiểm năm học 2020-2021:

Khối	Số	Xếp loại							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
Khối 10	351	273	77.78%	69	19.66%	9	2.56%	0	0.00%
Khối 11	311	261	83.92%	40	12.86%	9	2.89%	1	0.32%
Khối 12	276	254	92.03%	19	6.88%	3	1.09%	0	0.00%
TỔNG	938	788	84.01%	128	13.65%	21	2.24%	1	0.11%

So sánh kết quả xếp loại hạnh kiểm năm học 2020-2021

+ Loại tốt có tăng lên (86.11% so với 84.01%)

+ Loại yếu tăng về số lượng (1 em): do học sinh thường xuyên vi phạm nội quy nhà trường.

2. Kết quả đánh giá học lực học sinh trung học (so sánh tỉ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi năm học năm học 2020-2021).

Khối	Số	Xếp loại học lực									
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
Khối 10	373	49	13.14%	136	36.46%	155	41.55%	33	8.85%	0	0%
Khối 11	342	62	18.13%	149	43.57%	106	30.99%	25	7.31%	0	0%
Khối 12	300	109	36.33%	176	58.67%	15	5.00%	0	0.00%	0	0%
TỔNG	1015	220	21.67%	461	45.42%	276	27.19%	58	5.71%	0	0%

Kết quả về xếp loại học lực năm học 2020-2021:

Khối	Số	Xếp loại									
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
Khối 10	351	29	8.26%	135	38.46%	152	43.30%	35	9.97%	0	0%
Khối 11	311	39	12.54%	133	42.77%	124	39.87%	15	4.82%	0	0%
Khối 12	276	94	34.06%	164	59.42%	18	6.52%	0	0.00%	0	0%
TỔNG	938	162	17.27%	432	46.06%	294	31.34%	50	5.33%	0	0%

So sánh với Kết quả về xếp loại học lực năm học 2020-2021:

+ Số lượng học sinh Giỏi tăng lên: 21.67% so với 17.27%

+ Số lượng học sinh Khá giảm xuống: 45,42% so với 46,06%

3. Tình hình và kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong trường trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. (rà soát đánh giá chất lượng dạy học trực tuyến)

- Xây dựng kế hoạch dạy học các bài học bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện và sản phẩm cụ thể để giao cho học sinh thực hiện trong lớp học, ngoài lớp học, ở trường, ở nhà, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản văn hóa và cộng đồng. Tăng cường giao cho học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo để tiếp nhận và vận dụng kiến thức; dành nhiều thời gian trên lớp để tổ chức cho học sinh báo cáo, thuyết trình, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả tự học của mình.

- 100% Giáo viên của nhà trường trang bị các thiết bị và tổ chức được việc dạy

chương trình trong thời gian dịch bệnh diễn biến phức tạp.

3.1. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Nhà trường xây hiệu quả việc xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2021-2022.

Bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu; không dạy những nội dung, bài tập, câu hỏi trong sách giáo khoa vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; tuyệt đối không dạy những nội dung ngoài sách giáo khoa;

Căn cứ chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng với chủ đề đó để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; từ đó, xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

3.2. Tình hình và kết quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; các mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo của địa phương.

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:

Tăng cường tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học;

Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

Thực hiện đánh giá thường xuyên trực tiếp hoặc trực tuyến bằng các hình thức: hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Việc kiểm tra, đánh giá định kì gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng điểm số thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra phải được xây dựng theo ma trận, đặc tả câu hỏi tự luận, trắc

mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

Đối với kiểm tra, đánh giá bằng bài thực hành, hoặc dự án học tập: yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kỹ năng được sử dụng.

Căn cứ vào mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục, mức độ phát triển năng lực của học sinh, nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao; có hướng dẫn cụ thể trước khi tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; chuẩn bị tốt các điều kiện để từng bước triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, thi trực tuyến, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Chưa thực hiện nhiều việc đánh giá học sinh bằng nhiều hình thức nhất là trên máy tính, đồ án...

Nguyên nhân: hệ thống máy tính, đường truyền chưa đáp ứng, một số GV chưa thông thạo.

4. Tình hình và kết quả triển khai giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1223/KH-BGDĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025” và kế hoạch 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông”.

- Đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức đến giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của GDHN và định hướng phân luồng học sinh phổ thông;

- Đưa nhiệm vụ GDHN và định hướng phân luồng học sinh phổ thông vào chủ trương, kế hoạch chỉ đạo phát triển của nhà trường;

- Xây dựng trang thông tin về GDHN và định hướng phân luồng học sinh phổ thông; hình thành cơ sở dữ liệu về nghề nghiệp, thị trường lao động và thông tin, dữ liệu liên quan đến ngành, nghề; mô tả ngành, nghề và thông tin tuyển dụng, sử dụng lao động của từng ngành, nghề, tương ứng với từng địa phương; kết nối giữa các trường phổ thông với cơ quan dự báo nhu cầu nhân lực, hội nghề nghiệp, hội doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở GDNN và các doanh nghiệp;

- Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền về GDHN và định hướng phân luồng cho học sinh phổ thông như: ngày hội tư vấn, hướng nghiệp; thi tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp; các hoạt động giao lưu của học sinh, giáo viên, cán bộ QLGD với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân.

4.1. Giải pháp triển khai giáo dục hướng nghiệp phân luồng học sinh sau trung học cơ

- Nhà trường tiếp tục đổi mới nội dung dạy học trong chương trình theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi; tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; bổ sung, cập nhật các nội dung GDHN trong các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với thực tiễn;

- Đa dạng hóa, vận dụng linh hoạt các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh; cung cấp kịp thời thông tin về cơ sở GDNN, chính sách đối với người học các trình độ GDNN, chính sách ưu đãi trong GDNN, cơ hội khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm, xu hướng thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của thị trường lao động;

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ quan QLGD với các cơ sở GDNN trong hoạt động GDHN và học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp vào học tại các cơ sở GDNN;

- Cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về nhu cầu lao động, thị trường lao động của địa phương và trong cả nước cho học sinh; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi kinh nghiệm GDHN, phân luồng học sinh phổ thông, về nhu cầu lao động, thị trường lao động.

- Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác GDHN về kiến thức, kỹ năng tư vấn, phương pháp tư vấn hiện đại với sự trợ giúp của công nghệ thông tin;

- Thu hút các nhà khoa học, các nhà quản lý, giáo viên các cơ sở GDNN, các doanh nhân trong và ngoài tỉnh tham gia làm công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với GDHN, giáo dục STEM; Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục phổ thông với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở GDNN, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm khai thác, sử dụng các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ cho GDHN và định hướng phân luồng học sinh phổ thông;

4.2. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2020-2021(có số liệu và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm không vào THPT và bỏ túc THPT; học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm không đi học đại học, cao đẳng)

Qua quá trình thực hiện GDHN và phân luồng học sinh bước đầu phụ huynh và học sinh đã có những định hướng chính xác hơn về nghề nghiệp bản thân, các em đã chọn nghề nghiệp phù hợp hơn với năng lực, niềm đam mê cũng như điều kiện kinh tế gia đình, quan niệm của phụ huynh học sinh con mình phải tham gia học ở các trường đại học hiện nay không còn chú trọng như trước nữa mà đã nhìn nhận một thực tế về nghề nghiệp tương lai.

Năm học 2020 – 2021 số lượng học sinh theo học các trường nghề có tăng lên cụ thể 31.63% học sinh sau khi tốt nghiệp đã đi theo hướng chọn học các trường dạy nghề.

4.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Một số học sinh sau khi được hướng nghiệp, dạy nghề, tư vấn nghề nghiệp nhưng việc chọn nghề nghiệp vẫn theo sở thích nhưng lại chưa phù hợp với năng lực thực sự

Do hoàn cảnh gia đình, bản thân học sinh chưa nhìn nhận sâu sát về nghề nghiệp trong tương lai của mình.

- Giải pháp khắc phục

Cập nhật thường xuyên các ngành nghề tại địa phương, những ngành nghề đang phát triển, có triển vọng, cho học sinh tham quan một số ngành nghề ở các trường đại học cụ thể để học sinh nhìn nhận và chọn nghề phù hợp hơn.

5. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục trung học

5.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2020-2021

Triển khai đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh theo Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GDĐT về việc triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015 và Công văn số 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2015-2016. Tích cực vận dụng hình thức kiểm tra thực hành trong quá trình dạy học ngoại ngữ theo hướng cho học sinh trình bày chủ đề mở, phù hợp điều kiện thực tiễn và đặc điểm tâm lý, năng lực của người học

Nhà trường tiếp tục dạy học theo chương trình tiếng Anh 7 năm và 10 năm; Triển khai nhiều giải pháp để bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giáo viên dạy học ngoại ngữ; Đang tích cực xây dựng và phát triển môi trường dạy và học ngoại ngữ (Thành lập CLB và phòng HĐ của CLB tiếng Anh); các bảng tên trước phòng hiệu bộ, phòng thực hành, thí nghiệm, tin học ... nhà trường đã dùng song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Tiến hành Triển khai đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh trong các lớp Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025”

Tham gia thi và đạt giải trong các cuộc thi do các cấp các ngành tổ chức: thi tìm hiểu Công viên địa chất tỉnh Đắk Nông

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Không

6. Thực hiện Giáo dục STEM; thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm; tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; kỹ năng khởi nghiệp.

6.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2020-2021.

6. Thực hiện Giáo dục STEM; thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống

- Đã xây dựng Kế hoạch Giáo dục STEM do 1 Phó Hiệu trưởng phụ trách; thành lập CLB STEM do 1 GV là TTCM làm chủ nhiệm và đã đi vào hoạt động trên các thiết bị được cấp.

- Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm;

- Điều kiện cơ sở vật chất tương đối là đầy đủ, khang trang và hiện đại. Đây chính là yếu tố thuận lợi hết sức cơ bản để chúng ta tổ chức và triển khai các hoạt động dạy học, ngoại khóa, TDTT và vui chơi giải trí... Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và các phong trào thi đua do các cấp các ngành phát động... đưa những nội dung này đi vào chiều sâu và trở thành hoạt động thường xuyên trong nhà trường.

- Nhà trường đã rất chú trọng công tác giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh. Trong năm học nhà trường đã tổ chức nhiều hình thức hoạt động giáo dục truyền thống trong học sinh nhân kỉ niệm các ngày lễ lớn như Quốc Khánh 2/9, 20/10, 20/11, 22/12, 26/3, 30/4, 19/5... Trường đã tổ chức tốt các sinh hoạt ngoại khóa, tuyên truyền ngày Dân số Việt Nam; tuyên truyền về chủ quyền biển đảo với chủ đề “Tổ quốc nhìn từ biển”, tết trồng cây... mang lại hiệu quả thiết thực.

- Nhà trường đã thực hiện hoạt động ngoại khóa với việc gắn với trải nghiệm như thành lập CLB KHKT; Thăm các cơ sở, sản xuất kinh doanh trên địa bàn như khu công nghiệp Alumin Nhân Cơ, Khu du lịch sinh thái Phước Sơn để các em trải nghiệm thực tế và định hướng nghề nghiệp tương lai

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa chưa thường xuyên.

- Nguyên nhân: chưa có nhiều thời gian, kinh phí tổ chức và tình hình dịch bệnh

7. Quản lý việc dạy thêm học thêm; chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường;

7.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2020-2021

- Quản lý việc dạy thêm học thêm: thực hiện theo đúng Thông tư 17/TT-BGDĐT quy định về dạy thêm và học thêm (trong năm học nhà trường chỉ tổ chức dạy cho học sinh khối 12 bắt đầu từ đầu HKII để các em chuẩn bị kiến thức cho kỳ thi TN THPT năm 2022)

- Chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường: thực hiện đúng quy định tại Điều lệ Trường trung học (kèm theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT), quy định về các loại hồ sơ sổ sách mà giáo viên phải làm.

- Khắc phục tình trạng lạm thu: thực hiện theo hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở GD&ĐT.

7.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Không

III. Công tác triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới

1. Việc triển khai chuẩn bị triển khai Chương trình giáo dục phổ thông lớp 10.

1.1. Kết quả đạt được

- Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình GD PT mới phù hợp với điều kiện nhà trường.

- Các tổ chuyên môn, CBQL, GV cũng đã xây dựng kế hoạch triển khai chương

- Cử giáo viên tham gia đầy đủ các đợt tập huấn do Sở và Bộ tổ chức.
- Triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên nghiên cứu học tập các văn bản cấp trên về đổi mới chương trình sách giáo khoa mới.
- Xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa CSVC, trang thiết bị nhằm đáp ứng CT GDPT mới.
- Tất cả CBQL, GV của nhà trường đã hoàn thành đợt tập huấn Modun1, Modun2, Modun3, Modun4, Modun5, Modul9 theo hình thức trực tuyến.

1.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Giáo viên chưa có nhiều thời gian để tập trung nghiên cứu các bộ sách giáo khoa của các nhà xuất bản.
- Nguyên nhân: Do sách giáo khoa chậm được in ấn, một số nhà xuất bản chỉ đưa sách qua đường Link và tổ chức hội thảo trực tuyến nên khó khăn cho việc nghiên cứu

1.3. Đề xuất, kiến nghị:

Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT cần sớm tổ chức các lớp tập huấn chương trình SGK mới cho đội ngũ cốt cán đồng thời sớm chọn bộ SGK để giáo viên nghiên cứu chuẩn bị cho công tác giảng dạy lớp 10 năm học 2022-2023

2. Công tác đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục

2.1. Kết quả đạt được

Công tác đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục cho thấy, việc đổi mới cơ chế quản lý hoạt động giáo dục theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền đã mang lại thay đổi có tính chất bước ngoặt cho các nhà trường. Khi mục tiêu cao nhất của nhà trường là thu hút được người học thì theo đó, cơ sở vật chất được đầu tư, chất lượng đội ngũ giáo viên được nâng cao, chất lượng giáo dục được đẩy mạnh, phụ huynh học sinh tin tưởng lựa chọn cho con em theo học.

2.2. Đề xuất, kiến nghị: Không

3. Việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3.1. Kết quả đạt được

- Cử giáo viên tham gia đầy đủ các đợt tập huấn do Sở GD&ĐT và Bộ GD&ĐT tổ chức.
- Triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên nghiên cứu học tập các văn bản cấp trên về đổi mới chương trình sách giáo khoa mới.
- Tất cả CBQL, GV của nhà trường đã hoàn thành đợt tập huấn trực tiếp và trực tuyến Modun1 và Modun2 Modun3, Modun4, Modun5, Modul9.

3.2. Đề xuất, kiến nghị: Không

4. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, vệ sinh, có tính tham gia và dân chủ: đổi

ÔNG
PHÓ T
CHIN
98

học; công tác bồi dưỡng các nội dung chuyên môn, nâng cao tay nghề cho giáo viên. Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý; tình hình tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn

4.1. Kết quả đạt được

Đổi mới cơ chế quản lý chuyên môn; sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học: Thực hiện kế hoạch năm học 2021- 2022, kế hoạch tổ chuyên môn và sự chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường, tổ chuyên môn trường THPT Trường Chinh thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, chuyên đề nghiên cứu bài học, bàn tay lặn bột, chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi trung học phổ thông, dạy học Stem, chuyên đề hoạt động ngoài giờ lên lớp...

Sinh hoạt chuyên môn giúp cho GV nâng cao được trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, hình thành các mối quan hệ đồng nghiệp tốt đẹp, xây dựng môi trường học tập: tự học suốt đời, tự bồi dưỡng, sáng tạo, biết chia sẻ và hợp tác là tấm gương trong việc rèn đức, luyện tài. Từ đó góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Quy mô sinh hoạt chuyên môn đa dạng: theo đơn vị tổ/nhóm chuyên môn, quy mô hội đồng sư phạm toàn trường hoặc tổ/nhóm bộ môn. Công tác sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn trong nhà trường đã được tổ chức thực hiện, duy trì thường xuyên và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý: Đảm bảo các điều kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý.

Tình hình tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn: đảm bảo đúng quy định.

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số sinh hoạt chuyên đề còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu, trọng tâm vấn đề

- Nguyên nhân: Việc phân công GV phụ trách các chuyên đề để báo cáo đã ảnh hưởng đến chất lượng khi một số GV còn non kinh nghiệm cũng như chuyên môn, nghiệp vụ.

IV. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí

1. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí

1.1. Kết quả đạt được

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác bố trí sắp xếp đội ngũ phù hợp với điều kiện cụ thể của trường và năng lực của từng cá nhân.

- Công tác quản lý các hoạt động trong nhà trường đã có sự đổi mới, mang lại hiệu quả khá cao.

- Động viên, hỗ trợ kinh phí cho CB, GV, NV học tập nâng cao trình độ.

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do các cấp tổ chức.

- Triển khai các quy định đến cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt nề nếp chuyên cần, đạo đức tác phong chuẩn mực, ứng xử sư phạm văn minh... trong trường học.

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: không

2. Giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

2.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với việc quản lý nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo

Thứ hai, đổi mới công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo: thực hiện dân chủ, công khai trong trường học. Phát huy tinh thần hợp tác, tự giác, ý kiến góp ý của tất cả CBQL, GV nhằm phát triển nhà trường.

Thứ ba, đổi mới công tác tự đánh giá, đánh giá đội ngũ nhà giáo

Thứ tư, đưa vào nội dung thi đua để đánh giá hoạt động của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý: có khen thưởng và phê bình.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số CBQL, GV kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế

- Nguyên nhân: Số năm công tác và đảm nhiệm công tác quản lý còn ít

V. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý

5.1. Kết quả đạt được

Đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường; tích cực áp dụng hội thảo, tập huấn, họp trao đổi công tác qua internet và hệ thống bồi dưỡng giáo viên qua hệ thống LMS do Viettel cung cấp. Xây dựng trang Website và khai thác sử dụng hệ thống phần mềm dạy và học hiệu quả, tăng cường chất lượng phần mềm quản lý điểm Vn-Edu, phần mềm quản lý thi, xét tốt nghiệp và tuyển sinh các cấp. Tiếp tục chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

Cập nhật số liệu vào hệ thống hệ thống CSDL ngành tại địa chỉ: <http://csdl.moet.gov.vn/> đúng tiến độ, đảm bảo tính chính xác của số liệu.

100% GV ứng dụng CNTT trong dạy học

Nhà trường đã có hệ thống đường truyền dây và wifi ổn định phục vụ dạy học và quản lý

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số GV chưa có máy tính riêng nên phải cần đến máy của nhà trường vì vậy nhiều lúc công việc còn chậm trễ, chưa thể tìm tòi nghiên cứu nâng cao trình độ tin học

- Nguyên nhân: khó khăn nên chưa trang bị máy tính cá nhân được

VI. Đánh giá chung

1. Những ưu điểm

- Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ đề ra và có nhiều nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc như: Cuộc Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh; thi hùng biện tiếng Anh, thi tìm hiểu công viên địa chất Đắk Nông.

- Công tác lãnh đạo, quản lý đã khoa học, có hiệu quả
- CB-GV-NV đã ý thức hơn trong trách nhiệm của mình
- Tinh thần đoàn kết trong nhà trường cao hơn trước
- Không có CB-GV-NV vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo

2. Những khuyết điểm, tồn tại

2.1. Về lãnh đạo, quản lý:

- Lãnh đạo còn thiếu về số lượng (Hiện nhà trường chỉ còn 02 Phó Hiệu trưởng)
- Kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà trường còn ít

2.2. Về học sinh:

- Còn một số học sinh chậm tiến bộ mặc dù được giáo dục nhiều lần.
- Còn học sinh vi phạm quy chế thi trong các kỳ thi tập trung.
- Một số học sinh còn chưa chấp hành tốt Luật giao thông đường bộ: Đi xe máy đến trường, không đội mũ bảo hiểm.... Một vài học sinh ý thức vệ sinh trường lớp chưa tốt.

- Một số lớp chất lượng chưa cao.
- Một số học sinh kết quả học tập còn thấp.

2.3. Về cơ sở vật chất nhà trường:

Một số hạng mục đã xuống cấp ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học của nhà trường.

3. Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế

- Về phí Sở GD&ĐT: chưa triển khai dự án duy tu bảo dưỡng, sửa chữa lại các hạng mục đã xuống cấp của nhà trường.

- Về phía lãnh đạo quản lý nhà trường: thiếu CBQL nên công việc điều hành còn gặp nhiều khó khăn, đôi khi chưa kịp thời, đúng tiến độ

- Về phí học sinh: Còn một số bộ phận nhỏ học sinh thiếu cố gắng lười học, ý thức học tập chưa tốt...

- Về phía giáo viên: Giáo viên chủ nhiệm của một số lớp chưa có biện pháp hữu hiệu để giáo dục và quản lý học sinh.

- Về phía PHHS: Một số PHHS ít quan tâm đến việc nhắc nhở, giáo dục con em mình.

4. Giải pháp khắc phục:

- Kiến nghị Sở GD&ĐT triển khai dự án duy tu bảo dưỡng, sửa chữa lại các hạng mục đã xuống cấp của nhà trường; bổ nhiệm Hiệu trưởng.

- Tăng cường giáo dục ý thức cho học sinh trong rèn luyện và phấn đấu vươn lên trong học tập

- Giáo viên cần phải xây dựng các biện pháp tích cực nhằm GD HS có hiệu quả, phối hợp với PHHS để giáo dục học sinh tốt hơn.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

NĂM HỌC 2022 - 2023

I. Phương hướng và nhiệm vụ trọng tâm đối với giáo dục trung học năm học 2022-2023

1. Giữ vững chỉ tiêu kế hoạch: 24 lớp (khối 10: 8 lớp; khối 11: 8 lớp; khối 12: 8 lớp) với khoảng 1100 học sinh và hạn chế học sinh bỏ học.

2. Tiếp tục chấn chỉnh nền nếp, kỉ cương, tăng cường công tác kiểm tra nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý. Kiên quyết xử lý những học sinh gian lận trong học tập thi cử, nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là công tác giáo dục mũi nhọn, tổ chức quản lý việc dạy thêm, học thêm; ôn tập cho học sinh khối 12 ôn thi kỳ thi TN THPT; tăng cường bồi dưỡng và tham gia dự thi HSG cấp tỉnh, Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh nhằm đạt giải cao; Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch như tỉ lệ học sinh lớp 12 đỗ tốt nghiệp, tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường đại học, học sinh giỏi tại các kỳ thi của tỉnh, khu vực...

4. Từng bước xây dựng đội ngũ giáo viên mạnh về chất lượng, đáp ứng được với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục phổ thông.

5. Tăng cường CSVC trang thiết bị dạy học, thực hiện có hiệu quả đồ dùng STEM, các câu lạc bộ trong nhà trường.

6. Cử CBQL, Giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Bộ GD&ĐT; Sở GD&ĐT nhằm cập nhật đầy đủ, chính xác các chương trình đổi mới để thực hiện tốt chương trình GDPT 2018.

II. Giải pháp chủ yếu năm học 2022-2023

1. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

- Tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ giáo viên và học sinh phát huy hết năng lực làm việc để hoàn thành tốt công việc được giao nhằm phát triển theo yêu cầu của ngành.

- Phương pháp làm việc khoa học, thái độ phục vụ nhân dân đúng mực, giải quyết các thủ tục công việc nhanh nhất.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học và cải cách hành chính.

- Tiếp tục đổi mới quản lý công tác tài chính, cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, xử lý kịp thời những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục và chuyên môn,

TRƯỜNG THPT

- Tích cực bồi dưỡng năng lực quản lý và lý luận chính trị; tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ giáo viên đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của ngành hiện nay
- Rà soát, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, xây dựng chương trình để chuẩn bị cho việc thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 10.
- Đẩy mạnh "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" gắn với cuộc vận động "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo".
- Tăng cường các giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia và công tác hợp tác quốc tế gắn với giáo dục toàn diện.
- Đổi mới học ngoại ngữ và tin học để học sinh đủ điều kiện tham gia học tập ở các trường đại học.
- Đổi mới hình thức thi đua, xây dựng quy chế quản lý đội ngũ và sử dụng cơ sở vật chất để xây dựng cảnh quan "xanh- sạch- đẹp và an toàn"
- Tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh theo kịp xu thế phát triển của xã hội.

3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo của cấp trên đồng thời sử dụng nguồn công tác xã hội hóa giáo dục, nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác để tăng cường cơ sở vật chất nhà trường..

Phần III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Sở GD&ĐT Đắk Nông tham mưu với UBND tỉnh Đắk Nông, UBND Huyện Đắk R'Lấp cấp thêm kinh phí để tăng cường đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị, đồ dùng dạy học và xây dựng nhà đa chức năng.

Sở GD&ĐT Đắk Nông sớm có kế hoạch kiện toàn công tác nhân sự CBQL của nhà trường để công tác hoạt động, chỉ đạo, điều hành nhà trường được nhanh chóng, đầy đủ và kịp thời.

Trên đây là báo cáo tổng kết năm học 2021-2022 và phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 của trường THPT Trường Chinh. Nhà trường xin báo cáo Lãnh đạo sở GD&ĐT Đắk Nông

Nơi nhận:

- Phòng GDTrH;
- Lưu VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐÀO CÔNG HÙNG